

PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ VI PHẠM TRONG KIỂM SOÁT Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA, LỄ HỘI VÀ GIẢI TRÍ

NGUYỄN BÌNH

Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng

Nhận bài ngày 16/7/2026. Sửa chữa xong 23/8/2026. Duyệt đăng 26/8/2026.

Abstract

This article examines current Vietnamese law on handling violations related to environmental pollution control in cultural, festival, and entertainment activities. It focuses on the responsibilities of event organizers, venue managers, and participants; sanctions for violations involving noise, solid waste, wastewater, and public sanitation; and the relationship between environmental and cultural legislation. Based on doctrinal analysis, systematization, and comparison of legal provisions, the study finds that legal obligations and sanctions are relatively clearly defined. However, enforcement remains highly dependent on technical evidence, particularly in noise-related cases, while inter-agency coordination mechanisms remain insufficiently specific. The article proposes four groups of solutions to clarify the legal grounds for enforcement, standardize evidence, strengthen preventive measures, and improve coordination among relevant authorities.

Keywords: Cultural activities, entertainment, festivals, handling violations, pollution control.

1. Đặt vấn đề

Hoạt động văn hóa, lễ hội và giải trí đáp ứng nhu cầu tinh thần của cộng đồng và góp phần phát triển dịch vụ, du lịch. Tuy nhiên, việc tập trung đông người trong thời gian ngắn có thể đồng thời làm tăng tiếng ồn, rác thải, nước thải, áp lực lên công trình vệ sinh và ảnh hưởng tới khu dân cư lân cận. Khác với nguồn thải ổn định của cơ sở sản xuất, tác động từ một sự kiện thay đổi theo giờ, theo tiết mục và có thể chấm dứt trước khi cơ quan kiểm tra hoàn tất ghi nhận. Vì vậy, hiệu quả kiểm soát phụ thuộc cả vào mức phạt, việc xác định đúng chủ thể và khả năng thu thập chứng cứ kịp thời. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đặt trách nhiệm bảo vệ môi trường (BVMT) nơi công cộng và trong hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch ở cấp luật. Điều 59 quy định nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân quản lý công viên, khu vui chơi, giải trí và khu vực công cộng; Điều 66 mở rộng các nghĩa vụ này tới đơn vị tổ chức lễ hội, chủ thể quản lý địa điểm biểu diễn và người tham gia (Quốc hội, 2020). Nghị định số 110/2018/NĐ-CP yêu cầu việc tổ chức lễ hội gắn với phương án BVMT; Nghị định số 45/2022/NĐ-CP quy định chế tài môi trường; Nghị định số 87/2026/NĐ-CP điều chỉnh xử phạt trong lĩnh vực văn hóa và dẫn sang quy định của lĩnh vực quản lý có liên quan đối với hành vi không được nghị định này quy định (Chính phủ, 2018, 2022, 2026). Bài viết làm rõ phạm vi nghĩa vụ và hành vi có thể bị xử lý; mức độ rõ ràng, tương xứng và khả thi của chế tài; những điểm cần hoàn thiện để tăng phòng ngừa và thực thi. Nghiên cứu sử dụng phân tích quy phạm, hệ thống hóa và đối chiếu văn bản còn hiệu lực tại thời điểm tháng 8/2026. Các con số trong bài chỉ là ngưỡng kỹ thuật và mức xử phạt được quy định trong văn bản pháp luật, không phải số liệu khảo sát về tình hình vi phạm.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

Về phương diện lý luận, ô nhiễm do sự kiện trước hết là một dạng ngoại ứng. Âm thanh, rác thải hoặc nước thải có thể làm phát sinh chi phí đối với cư dân và không gian công cộng mà chi phí đó

Email: binh1352004@gmail.com

không được phản ánh đầy đủ trong quyết định tổ chức. Coase (1960) cho thấy việc phân định quyền, nghĩa vụ và chi phí giao dịch có ý nghĩa quan trọng khi xử lý chi phí xã hội. Trong bối cảnh lễ hội, số người bị tác động lớn, thời gian thương lượng ngắn và lợi ích phân tán, nên cơ chế thỏa thuận riêng khó thay thế quy tắc công. Pháp luật phải xác định trước ai có nghĩa vụ phòng ngừa, giới hạn nào phải tuân thủ và hậu quả pháp lý nào phát sinh khi vượt giới hạn.

Nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả chi phí tiếp tục củng cố lập luận này. Khuyến nghị của OECD năm 1972 xác định chi phí phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm về nguyên tắc thuộc về chủ thể gây ô nhiễm (OECD, 1972). Đối với hoạt động văn hóa và giải trí, chi phí bố trí công trình vệ sinh, thu gom chất thải, kiểm soát âm thanh và khắc phục hậu quả phải được coi là một phần của chi phí tổ chức. Nghị định số 45/2022/NĐ-CP phản ánh tư duy đó khi kết hợp tiền phạt với biện pháp khắc phục như buộc giãમ tiếng ồn đạt quy chuẩn hoặc thực hiện các nghĩa vụ khắc phục tương ứng (Chính phủ, 2022).

Mức phạt chỉ phát huy tác dụng khi khả năng phát hiện và chứng minh đủ lớn. Becker (1968) chỉ ra rằng quyết định vi phạm chịu tác động đồng thời của mức chế tài và xác suất bị phát hiện, xử lý. Điều này đặc biệt phù hợp với tiếng ồn tại sự kiện: một khung tiền phạt cao khó tạo răn đe nếu nguồn ồn đã chấm dứt trước khi được đo hoặc phép đo không đáp ứng điều kiện kỹ thuật. Bởi vậy, thiết bị, quy trình ghi nhận, thời gian phản ứng và năng lực của người thực thi là bộ phận không thể tách rời của hiệu lực pháp luật.

Mặt khác, quản lý môi trường sự kiện không nên chỉ dựa vào trừng phạt. Ayres và Braithwaite (1992) đề xuất mô hình điều tiết đáp ứng, trong đó hướng dẫn và thúc đẩy tự tuân thủ nằm ở nền của tháp điều tiết, còn các chế tài mạnh được sử dụng khi mức độ vi phạm hoặc sự bất hợp tác tăng lên. Vận dụng vào lĩnh vực nghiên cứu, chuỗi quản trị hợp lý phải bắt đầu từ phương án bảo vệ môi trường trước sự kiện, tiếp đến là kiểm tra và yêu cầu khắc phục kịp thời, sau đó mới áp dụng chế tài khi đủ căn cứ. Từ các nền tảng trên, bài viết đánh giá pháp luật theo năm tiêu chí: tính bao quát, tính rõ ràng, tính tương xứng, khả năng chứng minh và mức độ gắn kết giữa xử phạt với phòng ngừa, khắc phục.

2.2. Pháp luật về xử lý vi phạm trong kiểm soát ô nhiễm từ hoạt động văn hóa, lễ hội và giải trí

2.2.1. Cấu trúc pháp luật và sự phân định giữa nghĩa vụ môi trường với chế tài chuyên ngành

Pháp luật hiện hành hình thành hai lớp trách nhiệm. Lớp thứ nhất là nghĩa vụ môi trường. Khoản 2 Điều 59 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 yêu cầu chủ thể quản lý công viên, khu vui chơi, giải trí và khu vực công cộng bố trí nhân lực thu gom, làm vệ sinh; có công trình vệ sinh và phương tiện thu gom; ban hành, niêm yết quy định BVMT; phát hiện vi phạm và kiến nghị xử lý. Điều 66 đưa các nghĩa vụ này vào hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch, trong đó có đơn vị tổ chức lễ hội và chủ thể quản lý địa điểm biểu diễn (Quốc hội, 2020).

Lớp thứ hai là quy định tổ chức và chế tài. Nghị định số 110/2018/NĐ-CP yêu cầu lễ hội bảo đảm vệ sinh môi trường và gắn phương án BVMT với thủ tục đăng ký hoặc thông báo tổ chức (Chính phủ, 2018). Nghị định số 45/2022/NĐ-CP quy định trực tiếp hành vi, mức phạt và biện pháp khắc phục trong lĩnh vực môi trường. Nghị định số 87/2026/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 15/5/2026, quy định xử phạt trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo; khoản 2 Điều 1 xác định trường hợp hành vi không được nghị định này quy định thì áp dụng quy định xử phạt của lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan (Chính phủ, 2026). Đây là căn cứ để tránh đồng nhất vi phạm về tổ chức hoạt động văn hóa với vi phạm về môi trường.

Bảng 1: Các văn bản trực tiếp điều chỉnh vấn đề nghiên cứu

Văn bản	Nội dung trọng tâm	Vai trò
Luật Bảo vệ môi trường 2020	Điều 59, 66, 161	Nghĩa vụ môi trường; khắc phục và xử lý vi phạm.
Nghị định 110/2018/NĐ-CP	Quản lý, tổ chức lễ hội	Phòng ngừa qua phương án và trách nhiệm Ban tổ chức.
Nghị định 45/2022/NĐ-CP	Điều 22, Điều 25	Chế tài tiếng ồn, vệ sinh và quản lý nơi công cộng.
Nghị định 87/2026/NĐ-CP	Khoản 2 Điều 1	Phân định chế tài văn hóa với lĩnh vực liên quan.
Thông tư 01/2025/TT-Bộ nông nghiệp và Môi trường	QCVN 26:2025/BNNMT	Căn cứ kỹ thuật xác định vi phạm tiếng ồn.

Nguồn: Tổng hợp từ các văn bản quy phạm pháp luật nêu trong bảng.

2.2.2. Xử lý vi phạm về tiếng ồn: chế tài rõ nhưng chứng cứ kỹ thuật phức tạp

Tiếng ồn là nhóm vi phạm phụ thuộc rõ nhất vào chứng cứ kỹ thuật. Điều 22 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP thiết kế thang chế tài theo số dBA vượt quy chuẩn: cảnh cáo khi vượt dưới 2 dBA; từ 1-5 triệu đồng khi vượt từ 2 đến dưới 5 dBA; tăng dần tới 140-160 triệu đồng khi vượt từ 40 dBA trở lên. Từ ngưỡng vượt 10 dBA, nghị định còn quy định đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm tiếng ồn hoặc đình chỉ hoạt động của cơ sở theo từng mức độ; đồng thời buộc thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đạt quy chuẩn (Chính phủ, 2022). Theo khoản 2 Điều 6 Nghị định này, các mức tiền phạt tại Chương II là mức áp dụng đối với cá nhân; tổ chức có cùng hành vi bị phạt gấp hai lần. Vì vậy, khi viện dẫn mức phạt đối với ban tổ chức hoặc doanh nghiệp tổ chức sự kiện phải xác định đúng tư cách chủ thể. Từ ngày 14/11/2025, QCVN 26:2025/BNNMT ban hành kèm Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT là căn cứ kỹ thuật quan trọng. Quy chuẩn phân khu vực bị ảnh hưởng từ A đến E. Khu vực D bao gồm công trình thể thao, công viên, trung tâm hội nghị, nhà hát, nhà văn hóa, câu lạc bộ, rạp chiếu phim, rạp xiếc, vũ trường và công trình vui chơi, giải trí; giới hạn cơ bản đối với một nhóm nguồn tương ứng là 65 dBA ban ngày, 60 dBA buổi tối và 55 dBA ban đêm, trong khi khu vực E lần lượt là 70, 65 và 60 dBA (Bộ Nông nghiệp và Môi trường, 2025). Tuy nhiên, việc xác định giới hạn phải căn cứ khu vực chịu ảnh hưởng và loại nguồn ồn cụ thể, không thể chỉ dựa vào nơi đặt sân khấu. QCVN 26:2025/BNNMT còn yêu cầu phép đo sử dụng máy đo mức âm loại 1, lựa chọn vị trí đại diện cho khu vực bị ảnh hưởng, hạn chế nguồn ồn không liên quan và thực hiện đo tối thiểu 15 phút; điều kiện ngoài trời cũng phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. Phần ghi chú của quy chuẩn nêu tiếng ồn từ loa của chương trình biểu diễn nghệ thuật được cấp phép không áp dụng theo riêng dòng giới hạn dành cho loa trong bảng 3. Quy định này không phải là sự miễn trừ chung khỏi nghĩa vụ kiểm soát tiếng ồn; cơ quan xử lý vẫn phải phân loại đúng nguồn ồn và quy định kỹ thuật áp dụng. Do sự kiện diễn ra trong thời gian ngắn, việc chậm tiếp cận hiện trường có thể làm giảm khả năng thu thập chứng cứ hợp lệ.

Bảng 2: Mức phạt đối với tiếng ồn vượt quy chuẩn

Mức vượt	Mức phạt đối với cá nhân
<2 dBA	Cảnh cáo
2-<5 dBA	1-5 triệu đồng
5-<10 dBA	5-20 triệu đồng
10-<15 dBA	20-40 triệu đồng
15-<20 dBA	40-60 triệu đồng
20-<25 dBA	60-80 triệu đồng
25-<30 dBA	80-100 triệu đồng
30-<35 dBA	100-120 triệu đồng
35-<40 dBA	120-140 triệu đồng
≥40 dBA	140-160 triệu đồng

Nguồn: Điều 22 và khoản 2 Điều 6 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP. Đối với tổ chức có cùng hành vi, mức phạt tiền gấp hai lần.

2.2.3. Xử lý vi phạm về rác thải, nước thải và vệ sinh nơi công cộng

Đối với rác thải, nước thải và vệ sinh nơi công cộng, Điều 25 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP phân biệt khá rõ người trực tiếp vi phạm với chủ thể quản lý địa điểm. Khoản 2 quy định phạt 100.000-150.000 đồng đối với hành vi vứt đầu, mẩu, tàn thuốc lá không đúng nơi; 150.000-250.000 đồng đối với vệ sinh cá nhân không đúng nơi; 500.000-1.000.000 đồng đối với việc vứt, thải, bỏ rác hoặc đổ nước thải không đúng nơi tại khu thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng; 1-2 triệu đồng đối với một số hành vi thải rác, nước thải trên vỉa hè, lòng đường, hệ thống thoát nước hoặc thải chất thải nhựa sinh hoạt vào thủy vực (Chính phủ, 2022). Các mức này là mức phạt đối với cá nhân; đối với tổ chức có cùng hành vi, khoản 2 Điều 6 quy định mức phạt gấp hai lần. Khoản 5 Điều 25 xử lý một tầng trách nhiệm khác: hoạt động quản lý công viên, khu vui chơi, giải trí, lễ hội, khu du lịch và khu vực công cộng khác có thể bị phạt 10-20 triệu đồng khi không có đủ công trình vệ sinh, phương tiện hoặc thiết bị thu gom chất thải; không thu gom chất thải trong phạm vi quản lý; hoặc không bố trí nhân lực vệ sinh, nhân sự hay tổ, đội BVMT

để kiểm tra, giám sát (Chính phủ, 2022). Cấu trúc này phù hợp với Điều 59 và Điều 66 Luật Bảo vệ môi trường vì không dồn trách nhiệm cho người tham dự. Đồng thời, Nghị định số 110/2018/NĐ-CP tạo lớp phòng ngừa khi yêu cầu phương án BVMT từ khâu chuẩn bị lễ hội. Vấn đề còn lại là chất lượng và mức độ cụ thể của phương án có thể khác nhau nếu không có tiêu chí triển khai đủ thống nhất.

Bảng 3: Một số mức phạt liên quan đến vệ sinh nơi công cộng

Hành vi/nhóm hành vi	Mức phạt đối với cá nhân
Vứt đầu, mẩu, tàn thuốc lá sai nơi	100.000-150.000 đồng
Vệ sinh cá nhân sai nơi	150.000-250.000 đồng
Vứt rác/đổ nước thải sai nơi tại khu dịch vụ, công cộng	500.000-1.000.000 đồng
Một số hành vi thải rác, nước thải trên vỉa hè, lòng đường, thoát nước	1-2 triệu đồng
Quản lý khu vui chơi, lễ hội và khu vực công cộng khác vi phạm khoản 5 Điều 25	10-20 triệu đồng

Nguồn: Khoản 2, khoản 5 Điều 25 và khoản 2 Điều 6 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP. Mức phạt đối với tổ chức có cùng hành vi gấp hai lần.

2.2.4. Đánh giá thực trạng pháp luật hiện hành

Qua đối chiếu có thể ghi nhận ba ưu điểm. 1) Hệ thống đã bao quát cả người trực tiếp gây tác động và chủ thể quản lý không gian. 2) Chế tài tiếng ồn được lượng hóa theo mức vượt quy chuẩn, hạn chế đánh giá cảm tính. 3) Pháp luật không chỉ xử phạt sau vi phạm mà còn đặt nghĩa vụ phòng ngừa từ khâu tổ chức lễ hội. Cách thiết kế này phù hợp với nguyên tắc người gây ô nhiễm phải gánh chi phí và với cách tiếp cận điều tiết theo mức độ. Tuy vậy, tính phân tán vẫn là hạn chế đáng kể. Người áp dụng phải đồng thời đối chiếu Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 110/2018/NĐ-CP, Nghị định số 45/2022/NĐ-CP, Nghị định số 87/2026/NĐ-CP và quy chuẩn tiếng ồn. Thông tư liên tịch số 19/2013/TTLT-BVHTTDL-BTNMT từng hướng dẫn riêng về bảo vệ môi trường trong du lịch, lễ hội và di tích đã hết hiệu lực toàn bộ từ ngày 15/12/2023 do Thông tư số 12/2023/TT-BVHTTDL bãi bỏ (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2023). Nghĩa vụ ở cấp luật và nghị định vẫn tồn tại, nhưng đầu mối hướng dẫn liên ngành chuyên biệt không còn. Khó khăn tiếp theo nằm ở chứng cứ và phân định trách nhiệm. Vi phạm vệ sinh thường có thể ghi nhận trực tiếp, còn vi phạm tiếng ồn phụ thuộc phép đo đáp ứng quy chuẩn. Một sự kiện lại có thể đồng thời có chủ địa điểm, đơn vị tổ chức, nhà thầu âm thanh, đơn vị vệ sinh và nhiều nhóm người tham gia. Pháp luật đã có cơ sở xử lý theo từng hành vi, nhưng hồ sơ tổ chức và quy trình kiểm tra cần thể hiện rõ chủ thể chịu trách nhiệm cho từng nghĩa vụ. Đây là điểm liên quan trực tiếp tới xác suất phát hiện, xử lý trong phân tích của Becker (1968) và phần phòng ngừa trong mô hình điều tiết đáp ứng của Ayres và Braithwaite (1992).

Bảng 4: Đánh giá khái quát theo các tiêu chí nghiên cứu

Tiêu chí	Mức độ	Nhận xét
Bao quát	Khá rõ	Có trách nhiệm của người tham gia và chủ thể quản lý.
Rõ ràng	Khá	Hành vi, mức phạt khá cụ thể; phải đối chiếu nhiều văn bản.
Tương xứng	Khá	Tiếng ồn tăng mức phạt theo mức vượt quy chuẩn.
Khả năng chứng minh	Chưa đồng đều	Tiếng ồn phụ thuộc phép đo và thời điểm tiếp cận.
Phòng ngừa - khắc phục	Có nền tảng	Cần gắn phương án sự kiện với kiểm tra, theo dõi thực hiện.

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả phân tích.

2.3. Giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật

2.3.1. Cần làm rõ quy tắc liên kết giữa pháp luật môi trường và pháp luật văn hóa. Hướng dẫn nghiệp vụ nên phân biệt hành vi liên quan đến điều kiện, nội dung tổ chức hoạt động văn hóa với hành vi gây tiếng ồn, xả thải hoặc không thực hiện nghĩa vụ môi trường. Khi một diễn biến chứa nhiều hành vi độc lập, từng hành vi phải được nhận diện theo đúng cấu thành và nguyên tắc xử lý vi phạm hành chính (Quốc hội, 2012). Cách tiếp cận này hạn chế việc chọn căn cứ xử phạt theo thói quen và phù hợp với cơ chế dẫn chiếu tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 87/2026/NĐ-CP.

2.3.2. Cần chuẩn hóa quy trình thu thập chứng cứ tiếng ồn theo QCVN 26:2025/BNNMT. Quy trình nội bộ nên xác định thiết bị đo, người vận hành, điểm đo, cách ghi nhận bối cảnh nguồn ồn, lưu dữ liệu

và lập biên bản. Với lễ hội hoặc chương trình biểu diễn đã đăng ký, thông tin về thời gian và địa điểm có thể được chuyển trước cho lực lượng phụ trách môi trường để chủ động kiểm tra khi cần. Giải pháp này không thay đổi ngưỡng pháp lý nhưng làm tăng khả năng chứng minh đúng quy chuẩn, qua đó nâng xác suất thực thi mà Becker (1968) coi là yếu tố quan trọng của tác dụng răn đe.

2.3.3. Cần nâng chất lượng phòng ngừa trong phương án BVMT của sự kiện, thay vì tạo thêm một giấy phép riêng cho mọi hoạt động văn hóa. Hồ sơ hoặc kế hoạch tổ chức nên thể hiện tối thiểu điểm tập kết rác, tần suất thu gom, công trình vệ sinh, người phụ trách môi trường, kênh tiếp nhận phản ánh, phương án kiểm soát âm thanh và xử lý sau khi kết thúc. Hợp đồng với nhà thầu âm thanh hoặc vệ sinh cũng cần phân định trách nhiệm thực hiện và cung cấp chứng cứ. Đây là cách đưa nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả chi phí vào giai đoạn phòng ngừa.

2.3.4. Cần củng cố phối hợp liên ngành sau khi Thông tư liên tịch số 19/2013/TTLT-BVHTTDL-BTNMT hết hiệu lực. Cơ quan văn hóa, cơ quan môi trường và chính quyền địa phương nên thống nhất quy trình trao đổi thông tin tối thiểu đối với sự kiện quy mô lớn hoặc có nguy cơ cao, gồm lịch tổ chức, đầu mối liên hệ, phản ánh của cộng đồng, kết quả kiểm tra và tình trạng khắc phục. Cơ chế này nên ưu tiên dữ liệu dùng chung và phân công đầu mối hơn là phát sinh thủ tục mới. Khi cảnh báo, yêu cầu khắc phục và chế tài được đặt trong cùng một chuỗi phản ứng, pháp luật sẽ gần hơn với mô hình điều tiết đáp ứng của Ayres và Braithwaite (1992).

3. Kết luận

Pháp luật Việt Nam đã có nền tảng tương đối đầy đủ để xử lý vi phạm trong kiểm soát ô nhiễm từ hoạt động văn hóa, lễ hội và giải trí. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 xác định nghĩa vụ của chủ thể quản lý, đơn vị tổ chức và người tham gia; Nghị định số 110/2018/NĐ-CP đưa yêu cầu BVMT vào khâu tổ chức lễ hội; Nghị định số 45/2022/NĐ-CP quy định chế tài về tiếng ồn và vệ sinh nơi công cộng; QCVN 26:2025/BNNMT cung cấp căn cứ kỹ thuật cho đánh giá tiếng ồn. Nghị định số 87/2026/NĐ-CP cũng tạo điểm nối giữa xử phạt văn hóa và xử phạt của lĩnh vực liên quan.

Vấn đề cần tiếp tục hoàn thiện không chủ yếu nằm ở việc tăng mức phạt. Khó khăn đáng chú ý là sự phân tán của căn cứ pháp lý, yêu cầu kỹ thuật đối với chứng cứ tiếng ồn và sự phức tạp của trách nhiệm trong chuỗi tổ chức sự kiện. Hướng cải thiện phù hợp là làm rõ quy tắc lựa chọn căn cứ xử lý, chuẩn hóa chứng cứ, nâng chất lượng phương án môi trường và thiết lập phối hợp liên ngành có đầu mối.

Xử lý vi phạm chỉ bền vững khi được đặt trong cơ chế tuân thủ bắt đầu từ phòng ngừa. Khi trách nhiệm được phân định từ trước, chứng cứ được thu thập theo quy chuẩn và yêu cầu khắc phục được theo dõi, chi phí môi trường của sự kiện sẽ được nội hóa tốt hơn vào quyết định tổ chức. Đó là điều kiện để hoạt động văn hóa, lễ hội và giải trí phát huy giá trị xã hội mà không chuyển chi phí môi trường sang cộng đồng và không gian công cộng.

Tài liệu tham khảo

- Ayres, I., & Braithwaite, J. (1992). *Responsive regulation: Transcending the deregulation debate*. Oxford University Press. <https://doi.org/10.1093/oso/9780195070705.001.0001>.
- Becker, G. S. (1968). Crime and punishment: An economic approach. *Journal of Political Economy*, 76(2), 169-217. <https://doi.org/10.1086/259394>.
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (2025). *Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15/5/2025 ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh (kèm QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn)*.
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2023). *Thông tư số 12/2023/TT-BVHTTDL ngày 25/10/2023 bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành, liên tịch ban hành*.
- Chính phủ (2018). *Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 quy định về quản lý và tổ chức lễ hội*.
- Chính phủ (2022). *Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường*.
- Chính phủ (2026). *Nghị định số 87/2026/NĐ-CP ngày 27/3/2026 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa và quảng cáo*.
- Coase, R. H. (1960). The problem of social cost. *The Journal of Law and Economics*, 3, 1-44. <https://doi.org/10.1086/466560>.
- OECD. (1972). *Recommendation of the Council on Guiding Principles concerning International Economic Aspects of Environmental Policies* [C(72)128]. Organisation for Economic Co-operation and Development.
- Quốc hội (2012). *Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012 (được sửa đổi, bổ sung)*.
- Quốc hội (2020). *Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 (được sửa đổi, bổ sung)*.